TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2018/HNGĐ- ST Ngày 25/7/2018. *V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng
Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX- ST ngày 20 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1996.
HKTT: Thôn C, xã A, huyện T, tỉnh B.
Hiện ở tại: Thôn C, Thị Trấn H, huyện T, tỉnh B.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Danh T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện T, tỉnh B.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị T và anh Lê Danh T kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 2013, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh T ngay.

Chị T trình bày: Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn và sinh hoạt hàng ngày. Anh T chơi bời không chịu làm ăn, chị có khuyên bảo nhưng anh không nghe, còn thường xuyên đánh đuổi chị, vợ

chồng không còn hạnh phúc.Chị phải về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần sau đó được gia đình 2 bên dàn xếp chị thương con nên đã trở về chung sống cùng anh T nhưng anh Tiến không hề thay đổi, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau và ngày càng trầm trọng. Từ ngày 29 tháng 01 năm 2018 chị đã về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ.

Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Thị Bảo A sinh ngày 19/08/2014. Hiện nay anh T đang nuôi dưỡng con chung cuộc sống đảm bảo, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Ly hôn chị cũng rất muốn nuôi con nhưng anh T không đồng ý nên chị đã thống nhất với anh T đồng ý để anh Tiến được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phí tổn nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Chị xác nhận giữa chị và anh T không có gì nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về công sức lao động: Chị T có thời gian làm ăn chung cùng gia đình anh T là 3 năm, thời gian này gia đình có 6 khẩu, gia đình làm ruộng, kinh tế đủ ăn không mua sắm kiến thiết gì. Ly hôn chị tự nguyện không yêu cầu gia đình anh T trích chia công sức cho chị.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh Lê Danh T trình bày: Anh xác nhận chị T trình bày là đúng. Anh và chị T sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm ăn sinh hoạt hàng ngày, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nói nhau, và không còn hạnh phúc, nhiều lần chị T đã về nhà mẹ đẻ ở sau đó được gia đình dàn xếp vợ chồng về chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng .Từ tháng 01 năm 2018, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Tại bản tự khai anh đồng ý ly hôn nhưng tại biên bản hòa giải anh xác định tình cảm vợ chồng đến nay không còn, nhưng anh muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Bảo A sinh ngày 19/08/2014. Hiện nay anh đang nuôi dưỡng con chung cuộc sống đảm bảo, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Anh xác nhận giữa anh và chị T không có gì, anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Danh T theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Lê Danh T và chấp nhận để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn là chưa chấp hành và không tham gia đầy đủ theo Giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về lệ phí, án phí Tòa án. Tuyên xử;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Danh T.

Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Bảo A sinh ngày 19/08/2014 cho anh Lê Danh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức lao động: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Trần Thị T và anh Lê Danh T kết hôn ngày 05 tháng 11 năm 2013, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh chị đã thường xuyên xảy ra cãi nói, đánh nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T đã nhiều lần phải về nhà mẹ đẻ ở, Từ ngày 29 tháng 01 năm 2018 chị T đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để các bên về đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt do vậy Toà án không hoà giải được. Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương xác nhận trong quá trình chung sống giữa vợ chồng chị T, anh T đã xảy ra mâu thuẫn, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 01/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thắm và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh T có một con chung là Lê Thị Bảo A sinh ngày 19/08/2014. Nay ly hôn chị T và anh T đã cùng nhau thỏa thuận thống nhất để anh T tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh T không có mặt, mặt khác tại phiên tòa chị T cũng đồng ý để anh T tiếp tục nuôi cháu A. Do vậy cần giao cháu Lê Thị Bảo A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Phí tổn nuôi con anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức lao động: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Danh T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Bảo A sinh ngày 19/8/2014 cho anh Lê Danh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.(Xác nhận chị T đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số AA/2012/01286 ngày 19/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND huyện T;*
- *THADS huyện T;;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Quang Hòa

N¬i nhËn: **TM. Héi ®ång xÐt xö**

- TAND tØnh B¾c Ninh;
- VKSND TP B¾c Ninh;
- THADS TP B¾c Ninh;
- C¸c ®-¬ng sù.
- L-u hå s¬.

ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn toµ